

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/07/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+TD1	7:25	4+18	0+0+0		2+15	0+0+0	
2		P3+TD5	9:25	3+18	0+0		3+18	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/07/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RCDM - TD1	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐẮC BÌNH	RCDM	04	1	4		100	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN THẮNG	RCDM	03	1	5	20	59	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	RCDM	02	1	6		60	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM QUANG HUY	RCDM	01	1	8		106	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ QUÝ VINH	TD1	95	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	46	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC THAI	TD1	38	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN DUY TÂN	TD1	36	1	2	100	72	KHOAN	Vietnamese
9	LẠI ĐỨC LAM	TD1	39	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	33	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VIỆT HUNG	TD1	45	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGOC QUANG	TD1	52	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	37	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ QUANG LỤC	TD1	96	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH TIẾN	TD1	35	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
16	ALEKHIN ALEXANDR	TD1	42	1	10		99	KHOAN	Russian
17	NGUYỄN VĂN BẢO	TD1	40	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	34	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN LƯU	TD1	43-44	2	6		64	YTE	Vietnamese
20	SEREBROV	TD1	41	1	12		84	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

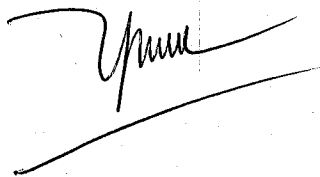
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	4	4	23	325	20	2		
2	TD1	16	17	92	1.184	100	15		
TOTAL		20	21	115	1.509	120	17		
WEIGHT KG				115	1.509	120			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

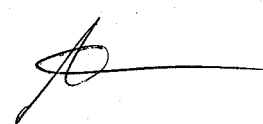
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/07/2022	TO: P3 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐỨC HUNG	P3	05	1	9	50	92	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN VIỆT	P3	087	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	P3	06	1	6		80	GETRACO	Vietnamese
4	ASKAROV DENIS	TD5	64	1	6	50	80	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	66	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
6	PHUNG NGUYỄN NGỌC	TD5	79	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	650	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
8	BÀO NGUYỄN LỘC	TD5	78	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN BA HOA	TD5	61	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	62-63	2	12		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH BÌNH	TD5	59	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TUÂN ANH	TD5	58	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ LONG PHI	TD5	57	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	60	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM TIẾN CHUNG	TD5	67	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD5	68	1	17		67	ANTOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN MINH ĐẠT	TD5	53-55	3	20		70	DVL	Vietnamese
18	VŨ ANH TRỌNG	TD5	51-52	2	20		72	DVL	Vietnamese
19	NHÂM ĐỨC TUÂN	TD5	49-50	2	15		73	DVL	Vietnamese
20	PHẠM QUANG HUY	TD5	56	1	3		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	3	3	20	242	50	3		
2	TD5	17	22	153	1.244	50	18		
TOTAL		20	25	173	1.486	100	21		
WEIGHT KG				173	1.486	100			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN